

Bản án số: 358/2019/DS-PT
Ngày: 21-8-2019
Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về “Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1721/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C; Địa chỉ: ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C: Ông Hà Văn Kh; Chức vụ: Trưởng Ban quản trị Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C (theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2017, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tiêu Kim L; Địa chỉ cư trú: ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Huỳnh Thị Ngọc E.

2/ Ông Tiêu Anh T.

3/ Cháu Tiêu Thị Mỹ Tr (sinh năm 2003, xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

4/ Bà Tiêu Thị Mỹ T1; Địa chỉ cư trú: 41 HT, Thôn HĐ, thị trấn TH, Thành phố KD, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của các ông bà Huỳnh Thị Ngọc E, Tiêu Anh T và Tiêu Thị Mỹ T1: Ông Tiêu Kim L (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2018 và văn bản ủy quyền ngày 08/3/2017).

- Người kháng cáo: Ông Tiêu Kim L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2016, ngày 22 tháng 02 năm 2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 7 năm 2017 của nguyên đơn Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C và lời khai của ông Hà Văn Kh là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 328.2m² nằm trong tổng diện tích 1.999m², thuộc các thửa số 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh là của ông Trầm K hiến tặng cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C (còn gọi là Chùa Phước Chiêu C). Năm 1991, Ban quản trị Chùa Phước Chiêu C cho ông Tiêu Kim L mượn đất cất nhà ở tạm diện tích đất 80m², thỏa thuận khi nào nhà Chùa cần sử dụng thì ông L sẽ trả lại cho Chùa. Trong quá trình sử dụng đất, ông L đã lấn chiếm tổng diện tích đất là 328.2m². Nay ông yêu cầu hộ ông L phải di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại diện tích đất 328.2m² nằm trong tổng diện tích 1.999m², thuộc các thửa số 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C. Đồng thời, Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C đồng ý hỗ trợ cho gia đình ông L tiền gìn giữ và di dời tài sản là 20.000.000 đồng.

Theo bị đơn ông Tiêu Kim L, trình bày:

Năm 1990, ông có xin ở trên phần đất của Chùa Phước Chiêu C diện tích 80m² để cất nhà tạm mua bán, sau đó ông Hà Văn H nằm trong Ban quản trị Chùa Phước Chiêu C có cho gia đình ông xây cất quán và mở rộng diện tích nhà để tiện cho việc mua bán sinh sống. Đến năm 2006, những người nằm trong Ban quản trị Chùa cũ lần lượt qua đời nên những người nằm trong Ban quản trị Chùa mới yêu cầu ông trả đất. Trong quá trình sử dụng đất, ông có đồ đất khoảng 100 xe máy cày, 100 xe bò và 30 xe tải nhưng số tiền bao nhiêu thì không nhớ. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì trước đây Chùa Phước Chiêu C đã cho gia đình ông ở trên đất và hiện tại gia đình ông đang gặp khó khăn không còn phần đất nào khác để ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đứng về phía bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc E, ông Tiêu Anh T, bà Tiêu Thị Mỹ Tr, bà Tiêu Thị Mỹ T1 có lời trình bày và yêu cầu như bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đã xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C do ông Hà Văn Kh – Trưởng Ban quản trị làm đại diện. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hà Văn Kh đại diện cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C hỗ trợ chi phí quản lý gìn giữ, công sức san lấp cải tạo đất và hỗ trợ chi phí di dời cho hộ ông Tiêu Kim L với tổng số tiền là 15.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 163/2018/DS-PT ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã xử: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 1, khoản 6 Điều 165, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 95, 102, 160, 166, 170, 181 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 12, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C.

2/ Công nhận diện tích đất 328.2m² nằm trong tổng diện tích 1.999m², thuộc các thửa số 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C.

3/ Buộc hộ ông Tiêu Kim L, gồm: Ông Tiêu Kim L, bà Huỳnh Thị Ngọc E, ông Tiêu Anh T, bà Tiêu Thị Mỹ T1, bà Tiêu Thị Mỹ Tr phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tất cả các tài sản gồm: Một căn nhà ở dạng độc lập, khung cột gỗ xây dựng và cột bê tông cốt thép đúc sẵn, không móng, vách lá, mái Frirô xi măng có kết cấu đỡ gỗ, nền gạch tàu, không trần, diện tích 147m² [(7m x 12m) + (6m x 7m) + (3m x 7m)] (tỷ lệ còn lại 35%); Một căn nhà ở dạng độc lập, nhà tạm, khung cột gỗ tạp, nền đất, vách lá, mái lá, diện tích 10.5m² (2.5m x 4.2m) (giá trị còn lại 30%); Một cống bọng cấp nước bằng bê tông cốt thép (giếng nước); 02 cây xoài nhỏ; 10 bụi chuối; 01 cây xanh; 01 cây Thala; 02 cây lộc vừng nhỏ ra khỏi các thửa đất số 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Để giao trả cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C diện tích đất 328.2m² (Trong đó, phần A thửa số 912, diện tích 228.2m², phần B thửa số 913, diện tích 80m², phần C thửa số 914, diện tích 20m²), nằm trong tổng diện tích 1.999m², thuộc các thửa số 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Kèm theo Công văn số: 251/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/6/2017 và sơ đồ khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh để thi hành).

4/ Công nhận sự tự nguyện của ông Hà Văn Kh đại diện cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C hỗ trợ chi phí quản lý gìn giữ, công sức cải tạo đất và chi phí di dời cho hộ ông Tiêu Kim L với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

5/ Buộc Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C phải hoàn trả tiền san lấp mặt bằng cho ông Tiêu Kim L là 8.193.600 đồng (Tám triệu, một trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

6/ Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất, trồng thêm trong diện tích đất đang tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án khi đến hạn) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

8/ Hộ ông Tiêu Kim L, gồm: Ông Tiêu Kim L, bà Huỳnh Thị Ngọc E, ông Tiêu Anh T, bà Tiêu Thị Mỹ T1, bà Tiêu Thị Mỹ Tr được phép lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, các quy định về thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/3/2019, ông Tiêu Kim L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông L yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hà Văn Kh là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Tiêu Kim L là bị đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu theo phía bị đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Ông L trình bày: Gia đình ông đến ở trên phần đất đang tranh chấp từ năm 1990. Khi đến ở thì được sự cho phép của ông Trầm Phát Thành là cháu gọi ông Trầm K (chủ đất) bằng chú. Nay gia đình ông không còn chỗ ở nào khác nên ông không đồng ý trả lại đất cho nguyên đơn.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, ông Khuốne tự nguyện nâng mức hỗ trợ di dời, công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất cho phía bị đơn, từ 20.000.000 đồng lên 50.000.000 đồng; đồng ý cho gia đình ông L lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ngược lại, phía ông L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1/ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa,

các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Tiêu Kim L làm trong hạn luật định, đúng hình thức.

3/ Về nội dung kháng cáo: Xét thấy, phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Trầm K hiến cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C từ trước năm 1923. Năm 1990, phía nguyên đơn cho gia đình ông L cất nhà ở nhờ trên đất. Đến nay phía nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn tháo dỡ các công trình kiến trúc, cây cối trả lại đất cho nguyên đơn; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hỗ trợ di dời, tiền công gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất và buộc nguyên đơn phải trả lại tiền giá trị san lấp cho bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông L là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho bị đơn 30.000.000 đồng tiền di dời, tiền công gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, theo hướng ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Tiêu Kim L làm trong hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định. Ông L là hộ nghèo, được Toà án cấp sơ thẩm miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là có căn cứ. Do đó, đơn kháng cáo của L làm được chấp nhận để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Phần đất tranh chấp có diện tích 328,2 m² là một phần trong tổng diện tích đất 1999 m², thuộc các thửa 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của ông Trầm K, đã hiến tặng cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C từ năm 1923.

Năm 1983, Chùa Ông Bồn (tên gọi trước đây của Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C) kê khai đăng ký thửa 439, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.550m².

Năm 1990, nhận thấy gia đình ông L từ xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải đến làm ăn sinh sống ở xã NB, huyện TC hoàn cảnh gia đình khó khăn không có chỗ ở nên Ban quản trị Chùa Phước Chiêu C khi đó có đồng ý cho vợ chồng ông L cất nhà ở tạm trên diện tích đất 80m².

Năm 1994, Chùa Phước Thiện Cung (cũng là một tên gọi khác của Phước Chiêu C) kê khai thửa 912, tờ bản đồ số 2 diện tích 746m² và thửa 914, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.173m². Phần diện tích còn lại do ông L sử dụng và kê khai thành thửa 913, diện tích 80m². Quá trình ở nhờ, gia đình ông L đã mở rộng diện tích sử dụng lên đến 328,2m² tại các thửa đất 912, 913, 914.

Ngày 19/4/1994, UBND huyện TC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C với diện tích 1.919m² đối với 02 thửa 912 và 914. Riêng thửa 913 do ông L kê khai đăng ký diện tích 80m² được

UBND huyện TC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L vào ngày 11/8/1999.

Ngày 16/12/2014, UBND huyện TC thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Chùa Phước Thiện Cung với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp không đúng quy định của pháp luật và ngày 12/3/2015, UBND huyện TC cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C với diện tích số thửa như trước đây đã thu hồi.

Ngày 28/8/2013, UBND huyện TC đã thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông L với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp sai chủ sử dụng đất. Hiện tại đối với thửa 913 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang tranh chấp.

Xét thấy, các thửa đất 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C từ năm 1923. Nên Toà án cấp sơ thẩm buộc gia đình ông L phải tháo dỡ các công trình kiến trúc, di dời cây ăn trái; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hỗ trợ di dời, tiền công gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất và buộc nguyên đơn phải trả lại tiền giá trị san lấp cho bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông L là không có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho bị đơn 30.000.000 đồng tiền di dời, tiền công gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Do đó, cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, theo hướng ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tiêu Kim L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 14/3/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 1, khoản 6 Điều 165, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 95, 102, 160, 166, 170, 181 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 12, quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C.

2/ Công nhận diện tích đất 328.2m² nằm trong tổng diện tích 1.999m², thuộc các thửa số 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C.

3/ Buộc hộ ông Tiêu Kim L, gồm các ông, bà Tiêu Kim L, Huỳnh Thị Ngọc E, Tiêu Anh T, Tiêu Thị Mỹ T1 và Tiêu Thị Mỹ Tr phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tất cả các tài sản gồm: 01(một) căn nhà ở dạng độc lập, khung cột gỗ xây dựng và cột bê tông cốt thép đúc sẵn, không móng, vách lá, mái Frirô xi măng có kết cấu đỡ gỗ, nền gạch tàu, không trần, diện tích 147m² [(7m x 12m) + (6m x 7m) + (3m x 7m)] (tỷ lệ còn lại 35%); 01(một) căn nhà ở dạng độc lập, nhà tạm, khung cột gỗ tạp, nền đất, vách lá, mái lá, diện tích 10.5m² (2.5m x 4.2m) (giá trị còn lại 30%); 01(một) cống bọng cấp nước bằng bê tông cốt thép (giếng nước); 02(hai) cây xoài nhỏ; 10(mười) bụi chuối; 01(một) cây xanh; 01(một) cây Thala và 02(hai) cây lộc vùng nhỏ, ra khỏi các thửa đất số 912, 913, 914, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã NB, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; để giao trả diện tích đất được nêu ở mục 2 cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C (kèm theo Công văn số 251/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 23/6/2017 và sơ đồ khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh để thi hành).

4/ Công nhận sự tự nguyện của ông Hà Văn Kh đại diện cho Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C hỗ trợ chi phí quản lý gìn giữ, công sức cải tạo đất và chi phí di dời cho hộ ông Tiêu Kim L với tổng số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

5/ Buộc Cơ sở tín ngưỡng Phước Chiêu C phải hoàn trả tiền san lấp mặt bằng cho ông Tiêu Kim L là 8.193.600 (tám triệu, một trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm) đồng.

6/ Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất, trồng thêm trong diện tích đất đang tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án khi đến hạn) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

8/ Hộ ông Tiêu Kim L, gồm các ông, bà Tiêu Kim L, Huỳnh Thị Ngọc E, Tiêu Anh T, Tiêu Thị Mỹ T1 và Tiêu Thị Mỹ Tr được phép lưu cư tại căn nhà nêu trên trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

9/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tiêu Kim L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

10/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 09 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự (3);
- Lưu (3), 17b, HQ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa